

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc C , sinh năm 1959.

Cư trú tại: ấp Lưu H , xã T , huyện Đàm Dơi, tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V , sinh năm 1962.

Cư trú tại: ấp Lưu H , xã T , huyện Đ , tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc C trình bày:*

Về hôn nhân: Ông C và bà V chung sống năm 1984, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến ngày 23/10/2017 ly thân đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do bà V không trung thực với ông trong tình cảm và kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc và địa phương hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay ông C xác định không còn tình cảm với bà V nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Minh Đ , sinh năm 1988 và Trần Hằng N , sinh năm 1990. Hiện các con đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông C xác định không có.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà V theo quy định pháp luật, nhưng bà V không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Bà V đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà V vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V .

[2] *Về hôn nhân*: Ông C và bà V chung sống năm 1984, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 quy định nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 thì được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Ông C yêu cầu ly hôn bà V với các nguyên nhân sau: Quá trình chung sống bà Vân không trung thực trong kinh tế và tình cảm. Đối với bà V , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà V để tham gia hòa giải nhưng bà V vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông C . Ngoài ra, vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa ông C với bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C về việc ly hôn với bà V .

[3] *Về con chung*: Tên Trần Minh Đ , sinh năm 1988 và Trần Hằng N , sinh năm 1990. Hiện các con đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ: Ông C xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông C .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Ngọc C ly hôn với bà Nguyễn Thị V .

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông C là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Chiến.

Ông C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà V có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Ủy ban nhân dân xã T ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam